

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TTT21BLX** Năm học: **21-22**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02111** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Kỹ năng giao tiếp**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTTT0538	Phan Văn An	24/10/2006				6	10				0.0	0.0	3.5
2	21BTTT0539	Nguyễn Huỳnh Tuấn Anh	28/10/2004				7	9				9.0		8.7
3	21BTTT0540	Nguyễn Gia Bảo	13/09/2006				7	7				0.0	0.0	2.8
4	21BTTT0541	Nguyễn Ngọc Kỳ Duyên	06/09/2006				6	7				0.0	0.0	2.7
5	21BTTT0542	Huỳnh Tiến Đạt	29/06/2005				6	8				0.0	0.0	2.9
6	21BTTT0543	Nguyễn Tiến Đạt	13/05/2006				8	10				6.0		7.3
7	21BTTT0544	Trần Thị Trúc Hà	20/09/2006				6	7				0.0	0.0	2.7
8	21BTTT0545	Mai Xuân Hằng	11/03/2006				5	6				0.0	0.0	2.3
9	21BTTT0546	Nguyễn Khả Hân	02/02/2006				5	6				0.0	0.0	2.3
10	21BTTT0547	La Hoàng Thảo Nguyên	12/04/2005				0	0				0.0	0.0	0.0
11	21BTTT0548	Huỳnh Kim Uyên Nhi	25/10/2005				0	0				0.0	0.0	0.0
12	21BTTT0549	Đoàn Thị Tuyết Nhu	19/06/2006				9	10				0.0	0.0	3.9
13	21BTTT0550	Đỗ Thị Hồng Nhung	11/11/2005				7	7				0.0	0.0	2.8
14	21BTTT0551	Phạm Phú Quý	13/09/2006				6	7				0.0	0.0	2.7
15	21BTTT0552	Phan Ngọc Tinh	28/04/2006				5	6				0.0	0.0	2.3
16	21BTTT0553	Trần Thị Thảo Trân	14/12/2006				6	9				0.0	0.0	3.2
17	21BTTT0554	Huỳnh Chí Trọng	14/08/2006				6	7				9.5		8.4
18	21BTTT0555	Trần Ngọc Trọng	17/11/2006				6	7				6.5		6.6
19	21BTTT0556	Lâm Chí Vĩ	24/11/2005				5	7				8.0		7.3
20	21BTTT0557	Nguyễn Ngọc Như Ý	15/05/2006				5	7				0.0	0.0	2.5

Châu Đốc, ngày 17 tháng 8 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Quách Trung Thịnh